

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh và ông Phạm Công Định

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 571/2023/HNGĐ-TLST ngày 21/12/2023, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.  
Hiện cư trú tại: Nhật Bản. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Tổng Văn H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.  
Hiện đang lao động tại Nhật Bản. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị G**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch trong việc giao nhận các văn bản tố tụng: Anh Lê Duy Kh, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Xóm Đ, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tổng Văn H tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 12/4/2013. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 8/2018 anh H sang Nhật Bản lao động, còn chị ở lại Việt Nam, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau nH hai bên bắt đầu quan điểm, xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung. Đầu năm 2022 chị sang Nhật Bản lao động nH vợ chồng không sống cùng nhau, cả hai không còn quan tâm đến nhau dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh H có ba con chung là Tổng Nguyễn Phương Th, sinh ngày 11/3/2015, Tổng Nguyễn Phương Th1, sinh ngày 26/01/2017 và Tổng Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2019. Hiện nay các con đang sống cùng bà nội, ly hôn chị và anh H thỏa thuận chị nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th và cháu Quỳnh A còn anh H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1, hai bên không phải cấp dưỡng tiền cho con cho nhau. Do điều kiện chị ở nước ngoài, nên chị ủy quyền cho mẹ chồng là bà Phan Thị G chăm sóc cháu Th, cháu Quỳnh A thay chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn - anh Tổng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định như chị Ch trình bày là đúng. Sau khi kết hôn cả hai sinh sống tại địa phương, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2018 anh sang Nhật Bản lao động, chị Ch ở Việt Nam, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc. Do vợ chồng sống xa nhau, mỗi người ở một nơi dẫn đến bắt đầu quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2022 chị Ch cũng sang Nhật Bản lao động nH vợ chồng không sống cùng nhau, mâu thuẫn càng trầm trọng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ch có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh H xác định các con chung như chị Ch trình bày là đúng. Trong thời gian vợ chồng anh đi nước ngoài, các con đều ở với bà nội là Phan Thị G. Ly hôn anh và chị Ch thỏa thuận, chị Ch nuôi cháu Th và cháu Quỳnh A còn anh nuôi cháu Th. Do điều kiện anh sẽ quay lại Nhật Bản lao động nên anh và chị Ch đều ủy quyền cho mẹ đẻ anh là bà Phan Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của con chung là Tổng Nguyễn Phương Th và Tổng Nguyễn Phương Th1 đều có nguyện vọng được ở với bố và bà nội trong trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị G trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh H, hiện nay bà đang chăm sóc cháu Thúy, cháu Th và cháu Quỳnh Anh là con chung của chị Ch, anh H. Bà tiếp tục đồng ý nhận ủy quyền của chị Ch và anh H chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Hàng tháng chị Ch, anh H đều gửi tiền về để bà chăm sóc các cháu.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Ch, anh Tổng Văn H và bà Phan Thị G đều vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ch được ly hôn anh H. Về con chung giao con chung Tổng Nguyễn Phương Th, sinh ngày 11/03/2015 và Tổng Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Tổng Nguyễn Phương Th1, sinh ngày 26/01/2017 cho anh Tổng Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H, chị Ch không có mặt tại Việt Nam, tạm giao các cháu Th, cháu Th, cháu Quỳnh A cho bà Phan Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Ch phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tài liệu chị Nguyễn Thị Ch gửi về Tòa án bao gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều được xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Do vậy, có căn cứ xác định nội dung các văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị Ch. Anh H, chị Ch đều ủy quyền cho bà Phan Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th, cháu Th1, cháu Quỳnh A trong thời gian anh, chị không ở Việt Nam nên Tòa án xác định bà G là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án chị Ch, anh H, bà G đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1 Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Ch và anh Tổng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã C, huyện C, tỉnh Hải

Dương ngày 12/4/2013 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Ch, anh H sinh sống mỗi người ở một nơi, cả hai thiếu sự tin tưởng nên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Nay chị Ch và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Ch và anh H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị Ch ly hôn anh Tổng Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ch và anh Tổng Văn H có ba con chung là Tổng Nguyễn Phương Th, sinh ngày 11/03/2015, Tổng Nguyễn Phương Th1, sinh ngày 26/01/2017 và Tổng Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2019. Ly hôn chị Ch và anh H thống nhất thỏa thuận chị Ch nuôi dưỡng cháu Th và Quỳnh Anh, anh H nuôi dưỡng cháu Thúy. Xét thấy thực tế, chị Ch và anh H đều lao động ở nước ngoài, các cháu đang sống cùng bà nội, được bà nội chăm sóc tốt, anh H chị Ch thường xuyên gửi tiền về chăm sóc các con. Để ổn định môi trường học tập và chỗ ở cho các con, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị Ch. Giao cháu Th, cháu Quỳnh A cho chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Th1 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Ch, anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Th, cháu Thúy, cháu Quỳnh Anh cho bà Phan Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thỏa thuận và nguyện vọng của các bên và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu chị Ch, anh H có căn cứ cho rằng người kia không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị Ch** được ly hôn anh **Tổng Văn H**.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Tống Nguyễn Phương Th, sinh ngày 11/03/2015 và Tống Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2019. Giao cho anh Tống Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Tống Nguyễn Phương Th1, sinh ngày 26/01/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở chị Nguyễn Thị Ch và anh Tống Văn H thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị Ch và anh Tống Văn H không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Tống Nguyễn Phương Th, Tống Nguyễn Phương Th1 và Tống Nguyễn Quỳnh A cho bà Phan Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đổi trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do anh Lý Duy Khôi nộp thay, theo biên lai thu số 0000375 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ch, Anh Tống Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Phan Thị G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện C (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**